

Phụ lục 11A
BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CHẾ BIẾN NÔNG LÂM THỦY SẢN
VÀ ỨNG DỤNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀO CHẾ BIẾN TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Đánh giá thực trạng chế biến nông lâm thủy sản

1.1. Tổng quan bối cảnh và mô hình tăng trưởng kinh tế tỉnh Hà Tĩnh

Phát triển kinh tế của tỉnh Hà Tĩnh trong giai đoạn 2021 - 2025 diễn ra trong một bối cảnh đầy biến động nhưng cũng không ít cơ hội mang tính bước ngoặt. Tỉnh đã thực hiện một cuộc chuyển đổi mang tính chiến lược về tư duy phát triển, từ mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa trên chiều rộng sang mô hình tăng trưởng chiều sâu, tập trung vào chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới, sáng tạo. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đã trở thành nền tảng quan trọng để hình thành các chuỗi giá trị chế biến sâu, góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2025.

Cơ sở pháp lý cho sự chuyển dịch này được định hình rõ nét thông qua việc cụ thể hoá Nghị quyết số 05-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII, tập trung vào việc đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao năng suất lao động; Hà Tĩnh đã ban hành một hệ thống chính sách đồng bộ, tiêu biểu là Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 125/2024/NQ-HĐND, tạo ra khung khổ hỗ trợ tài chính mạnh mẽ cho các hoạt động đầu tư vào máy móc, thiết bị và công nghệ chế biến. Những chính sách này không chỉ đơn thuần là hỗ trợ kinh phí mà còn là công cụ điều tiết để định hướng các thành phần kinh tế tham gia vào các chuỗi liên kết bền vững, đặc biệt là trong lĩnh vực chế biến nông lâm thủy sản.

Đến năm 2025, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn do thời tiết cực đoan và thị trường quốc tế biến động, ngành nông nghiệp Hà Tĩnh vẫn ghi nhận những kết quả tích cực. Tổng giá trị sản xuất nông lâm thủy sản (theo giá so sánh) đạt 16.164,5 tỷ đồng. Hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích chuyển biến rõ rệt, với giá trị sản xuất đạt 103 triệu đồng/ha. Đời sống người dân nông thôn được cải thiện đáng kể, với thu nhập bình quân đầu người đạt 57,26 triệu đồng, tăng 1,5 lần so với năm 2020.

Chỉ tiêu kinh tế tổng hợp và dự báo phát triển Hà Tĩnh	Giá trị mục tiêu đến năm 2030
Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2025 - 2030	Từ 10%/năm trở lên
Tỷ trọng nông lâm nghiệp và thủy sản trong cơ cấu GRDP	9%
Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu GRDP	51%
Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong cơ cấu GRDP	29%
Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	Phần đầu đạt mức cao thông qua chuyển đổi số 100% doanh nghiệp
GRDP bình quân đầu người	168 triệu đồng

Nguồn: Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030

1.2. Thực trạng phát triển chế biến nông sản và ứng dụng công nghệ giai đoạn 2021 - 2025

Nhìn chung, ngành công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản đang được quan tâm phát triển theo hướng chế biến tinh, sâu đạt được nhiều kết quả tích cực, thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư các dự án với nguồn vốn lớn, công nghệ hiện đại như trong chế biến gỗ MDF, HDF, chăn nuôi bò và chế biến sữa, chế biến thủy sản; nâng cấp công nghệ, thiết bị các nhà máy chế biến chè, chế biến hung hươu, hệ thống kho lạnh tại các cảng cá,... Tuy nhiên, hầu hết các cơ sở chế biến nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh chủ yếu với quy mô còn hạn chế. Tổng giá trị sản xuất ngành công nghiệp bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản đạt doanh thu hàng năm hơn 1.000 tỷ đồng, nhiều mặt hàng qua chế biến (như gạo, chè, thủy hải sản, gỗ,...) có khả năng cạnh tranh, đáp ứng được yêu cầu của các thị trường EU, Nhật Bản, Afghanistan, Pakistan... đóng góp lớn vào giá trị xuất khẩu của tỉnh. Năm 2025, đã xuất khẩu 2.550 tấn chè đạt 5,5 triệu USD, 2.555 tấn gạo đạt hơn 1 triệu USD.

1.2.1. Chế biến nông sản và vai trò của các hình thức tổ chức sản xuất

Trong giai đoạn 2021 - 2025, ngành chế biến nông sản Hà Tĩnh đã chứng kiến sự trỗi dậy của các mô hình kinh tế hợp tác và doanh nghiệp nhỏ và vừa. Sự phát triển này không chỉ dựa trên quy mô số lượng mà còn nằm ở khả năng thích ứng với công nghệ và thị trường. Đến năm 2025, toàn tỉnh có 560 hợp tác xã nông nghiệp, thu hút gần 34.000 thành viên tham gia. Đây là lực lượng nòng cốt trong

việc thực hiện khâu sơ chế và chế biến nông sản tại cơ sở, giúp giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra.

Việc ứng dụng khoa học, công nghệ trong chế biến nông lâm thủy sản đã có những bước tiến đáng kể. Các doanh nghiệp, hợp tác xã đã mạnh dạn đầu tư vào các dây chuyền hiện đại phục vụ cho các sản phẩm chủ lực như gạo, thủy sản và các loại nông sản khác¹. Điển hình, trong ngành lúa gạo, các nhà máy xay xát đã chuyển đổi từ công nghệ cũ sang các hệ thống tự động hoá, tích hợp khâu tách màu và đóng gói hút chân không, đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe của các chuỗi bán lẻ hiện đại.

Thông kê thực trạng và mục tiêu phát triển hợp tác xã (HTX)	Số liệu thực hiện 2025	Kế hoạch/Mục tiêu
Tổng số HTX nông nghiệp toàn tỉnh	560	Duy trì và nâng cao chất lượng
Tổng số lao động làm việc thường xuyên trong HTX	34.000	Tăng cường đào tạo chuyên môn
Số cán bộ quản lý HTX	2.500	Nâng cao trình độ đại học/sau đại học

Sự tăng trưởng về diện tích và sản lượng cây ăn quả, đặc biệt là các loại cây có múi như cam, bưởi đã tạo ra nguồn nguyên liệu dồi dào cho công nghiệp chế

¹ - Chế biến gạo: trên địa bàn tỉnh hiện có 17 cơ sở chế biến gạo, các cơ sở chủ yếu quy mô nhỏ lẻ, phân bố trên khắp địa bàn tỉnh. Nguồn nguyên liệu chủ yếu tại các địa phương, tập trung nhiều tại các xã Kỳ Anh, Can Lộc, Gia Hanh, Trường Lưu, Đồng Lộc, Đức Thịnh,... với sản lượng chế biến hàng năm gần 15.000 tấn, đạt gần 30% tổng sản lượng sản xuất.

- Chế biến chè: diện tích trồng chè năm 2025 đạt 1.167 ha, trong đó liên kết với Công ty CP Chè Hà Tĩnh 1.161 ha, sản lượng đạt 14.588 tấn, tập trung nhiều ở các xã Kỳ Văn, Kỳ Thượng, Sơn Tây, Hương Đô... Trên địa bàn hiện có 06 cơ sở chế biến chè, trong đó chiếm tỷ trọng lớn về liên kết và tiêu thụ theo chuỗi khép kín từ cung ứng vật tư đầu vào đến bao tiêu sản phẩm đầu ra là Công ty CP Chè Hà Tĩnh và các hộ trồng chè, sản phẩm chủ yếu phục vụ xuất khẩu với các thị trường truyền thống Pakistan, Afghanistan với sản lượng hàng năm khoảng 2.500 tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt 5,5 triệu USD.

- Chế biến thịt và các sản phẩm từ thịt: trên địa bàn tỉnh hiện có 204 cơ sở sản xuất, chế biến thịt và các sản phẩm từ thịt, với các sản phẩm chủ yếu là giò chả, xúc xích, nem chua các loại, phục vụ nhu cầu tiêu dùng trên địa bàn. Nhiều sản phẩm đạt chứng nhận OCOP như nem chua Bình Sơn, giò me Tiên Giáp, giò lụa Trường An,... và được người tiêu dùng ưa chuộng. Nguồn nguyên liệu được cung cấp chủ yếu từ các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm của tỉnh.

- Chế biến nhung hươu: năm 2025 tổng đàn hươu của tỉnh là 51.955 con, cho thu hoạch 25,5 tấn nhung, tập trung chủ yếu ở các xã Hương Sơn, Sơn Giang, Sơn Hồng, Kim Hoa,... Hiện có 15 cơ sở sản xuất các sản phẩm đa dạng, phong phú và bổ dưỡng từ nhung hươu, như nhung hươu tán bột, thái lát, cao, rượu sâm nhung,...; có nhiều sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao, 4 sao, góp phần nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm, quảng bá sản phẩm đặc trưng của tỉnh Hà Tĩnh đến các tỉnh, thành trên cả nước thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ triển lãm, hội nghị kết nối cung cầu được các cơ quan, đơn vị tổ chức.

biến. Tuy nhiên, thực trạng hiện nay cho thấy tỷ lệ chế biến sâu vẫn còn khiêm tốn so với tổng sản lượng. Phần lớn nông sản vẫn tiêu thụ dưới dạng tươi sống hoặc sơ chế đơn giản. Để giải quyết vấn đề này, các chính sách khuyến khích đầu tư vào dự án chế biến nông sản mới đã được triển khai, với mức hỗ trợ lãi suất vay vốn ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản.

1.2.2. Phát triển chế biến lâm sản và kinh tế rừng bền vững

a) Quản trị rừng trồng và chứng chỉ bền vững

Lâm nghiệp Hà Tĩnh đang chuyển dịch mạnh mẽ từ khai thác sang quản trị rừng bền vững. Một trong những đột phá trong giai đoạn 2021 - 2025 là việc đẩy mạnh cấp chứng chỉ rừng bền vững (FSC). Chính sách hỗ trợ một lần 300.000 đồng/ha cho các tổ chức, hộ gia đình được cấp chứng chỉ FSC đã tạo động lực cho người dân tham gia vào chuỗi cung ứng gỗ có nguồn gốc hợp pháp, đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường quốc tế.

Song song với việc nâng cao chất lượng gỗ nguyên liệu, hạ tầng lâm nghiệp cũng được chú trọng đầu tư. Việc xây dựng hệ thống đường lâm nghiệp trong các vùng nguyên liệu tập trung (quy mô trên 200 ha) được hỗ trợ 50% chi phí đầu tư, tối đa 300 triệu đồng/km. Điều này không chỉ giúp giảm chi phí vận chuyển nguyên liệu về các nhà máy chế biến mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng, bảo vệ tài sản của người dân và doanh nghiệp.

b) Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ

Năng lực chế biến lâm sản của Hà Tĩnh tập trung chủ yếu vào các sản phẩm gỗ xẻ, ván dăm và đồ gỗ nội thất. Định hướng quy hoạch tỉnh đến năm 2030 đã xác định rõ việc hình thành các cụm công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu để thúc đẩy cơ cấu lại ngành lâm nghiệp. Điều này nhằm khắc phục tình trạng xuất khẩu gỗ nguyên liệu thô (gỗ dăm) chiếm tỷ trọng lớn, chuyển dần sang sản xuất các sản phẩm tinh chế có giá trị cao.

Bên cạnh gỗ, các loại lâm sản ngoài gỗ cũng đang mở ra hướng đi mới đầy triển vọng. Việc nghiên cứu và phát triển nấm linh chi đỏ dưới tán rừng hay các loại dược liệu quý là minh chứng cho tư duy đa dạng hoá giá trị từ rừng. Các cơ sở chế biến dược liệu này đang được hỗ trợ để đầu tư máy móc sấy khô, nghiền bột và đóng gói hiện đại, biên thêm năng tự nhiên thành sản phẩm hàng hoá có giá trị kinh tế cao, đóng góp vào doanh thu ngành dịch vụ môi trường rừng.

Mục tiêu và kết quả ngành lâm nghiệp	Giai đoạn 2021 - 2025	Định hướng đến năm 2030
Tỷ lệ che phủ rừng	Duy trì ổn định 42,03% (toàn quốc)	Ổn định trên 52% (tại Hà Tĩnh)

Chứng chỉ rừng bền vững (FSC)	Đẩy mạnh diện tích hỗ trợ 300.000 đồng/ha	100% vùng nguyên liệu tập trung
Thu dịch vụ môi trường rừng (toàn quốc)	3.734,7 tỷ đồng	Tiếp tục tăng trưởng bền vững
Sản phẩm chủ lực	Gỗ dăm, gỗ xẻ, đồ mộc gia dụng	Gỗ tinh chế, dược liệu, tín chỉ carbon

1.2.3. Thực trạng phát triển chế biến thủy sản

a) Sản lượng và hạ tầng khai thác, nuôi trồng

Thủy sản được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn với tiềm năng xuất khẩu lớn hàng năm, sản lượng khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh trung bình đạt khoảng 42.000 tấn, năm 2025 đạt 43.497 tấn, tăng 5,12% so với cùng kỳ, là nguồn nguyên liệu dồi dào cho hoạt động chế biến thủy sản. Sự tăng trưởng này đến từ cả hai lĩnh vực: khai thác xa bờ và nuôi trồng công nghệ cao. Đặc biệt, nuôi tôm trên cát, nuôi thâm canh, công nghệ cao tiếp tục giữ vị thế sản phẩm chủ lực với diện tích hơn 680 ha, mang lại hiệu quả kinh tế cao và ổn định cho ngư dân.

Tuy nhiên, thách thức lớn nhất hiện nay là việc đáp ứng các tiêu chuẩn về phòng chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Hà Tĩnh đã quyết liệt triển khai các giải pháp lắp đặt thiết bị giám sát hành trình cho tàu cá, với 83/86 tàu vùng khơi đã hoàn thành. Đây không chỉ là nhiệm vụ chính trị nhằm gỡ "thẻ vàng" EC mà còn là điều kiện bắt buộc để sản phẩm thủy sản Hà Tĩnh có thể tiếp cận thị trường Châu Âu và thế giới trong giai đoạn 2026 - 2030.

b) Công nghệ chế biến và chuỗi giá trị thủy sản

Công tác chế biến thủy sản tại Hà Tĩnh đang chuyển dịch từ các cơ sở nhỏ lẻ sang các mô hình liên kết chuỗi giá trị. Chính sách hỗ trợ 50 triệu đồng/năm cho các tổ chức cộng đồng bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven bờ và kinh phí thả giống tái tạo nguồn lợi hàng năm (01 tỷ đồng) là những giải pháp căn cơ để duy trì nguồn nguyên liệu cho chế biến.

Trong khâu chế biến, các doanh nghiệp đã bắt đầu đầu tư vào hệ thống kho lạnh công suất lớn, dây chuyền cấp đông nhanh (IQF) và các thiết bị kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm tại chỗ, đặc biệt đối với các sản phẩm tôm và hải sản xuất khẩu. Đối với các sản phẩm truyền thống² như sản phẩm chế biến từ thủy sản,

² Các cơ sở chế biến thủy sản tập trung ở vùng ven biển như xã Đan Hải, Tiên Điền, Lộc Hà, Thiên Cầm, Kỳ Xuân, phường Hải Ninh,... với các sản phẩm chủ yếu là nước mắm, ruốc, thủy sản khô, thủy sản đông lạnh... Đây là lĩnh vực có nhiều triển vọng mở rộng và phát triển nhờ có nguồn nguyên liệu dồi dào, người sản xuất có kinh nghiệm, sản phẩm được thị trường ưa chuộng. Nhiều sản phẩm đạt tiêu chuẩn 4 sao, 5 sao như nước mắm Luận Nghiệp, nước mắm Phú Khương,... rất có tiềm năng phát triển.

nước mắm, việc ứng dụng các bể ủ hiện đại bằng vật liệu mới và quy trình bao gói tự động đã giúp nâng tầm thương hiệu, biến những sản phẩm làng nghề thành các sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn 4 sao và 5 sao.

Chỉ số sản xuất và chế biến thủy sản Hà Tĩnh	Giá trị thực hiện	Ghi chú
Tổng sản lượng thủy sản (năm 2025)	61.262 tấn	Tăng 4,33% so với cùng kỳ
Sản lượng khai thác biển	43.497 tấn	Động lực từ du lịch và giá nhiên liệu
Diện tích nuôi trồng thủy sản	> 2.250 ha	Tập trung nuôi tôm thâm canh
Số lượng tàu cá hoạt động vùng khơi	86 chiếc	83/86 đã lắp thiết bị giám sát

1.3. Ứng dụng khoa học, công nghệ và máy móc trang thiết bị

Khoa học, công nghệ được xác định là chìa khoá để hiện đại hoá ngành nông nghiệp Hà Tĩnh. Việc sử dụng các chế phẩm sinh học trong nông nghiệp đã giúp tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, đồng thời giải quyết bài toán ô nhiễm môi trường thông qua việc áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật tiên tiến và mô hình nông nghiệp thông minh vào sản xuất³.

Giai đoạn 2020 - 2025 đánh dấu bước chuyển mình chiến lược của Hà Tĩnh từ sản xuất thô sang chế biến sâu, tập trung vào giá trị gia tăng thông qua đổi mới sáng tạo. Việc thực hiện Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND đã tạo đòn bẩy tài chính quan trọng, thúc đẩy doanh nghiệp và HTX đầu tư mạnh mẽ vào các dây chuyền máy móc hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế⁴. Các thiết bị được hỗ trợ tập trung vào các khâu có giá trị gia tăng cao như hệ thống sấy lạnh, máy chiết tách tinh dầu, dây chuyền đóng hộp tự động và hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn.

³ Mô hình nông nghiệp thông minh và giảm phát thải: Thiết bị Drone (UAV): Sử dụng máy bay không người lái để phun thuốc BVTV tự động, tiết kiệm 70% thời gian lao động và giảm thiểu ô nhiễm môi trường do vỏ bao bì được kiểm soát tốt. Công nghệ tưới AWD: Áp dụng kỹ thuật tưới ngập - khô xen kẽ trên 250 ha tại Thiên Cầm, giúp năng suất lúa tăng 6,15% đồng thời giảm tới 70% phát thải khí mê-tan, hướng tới tạo tín chỉ carbon

⁴ - Hệ thống cấp đông nhanh IQF (Individual Quickly Freezer): Được áp dụng tại các HTX thu mua thủy sản, công nghệ này sử dụng băng chuyền cấp đông từng cá thể nhanh chóng, giúp hải sản không bị rách màng tế bào, giữ nguyên độ tươi ngon và cấu trúc tự nhiên sau khi rã đông. Các cơ sở nước mắm Nhất Ninh, Phú Khương, Luận Nghiệp đã ứng dụng dây chuyền chiết rót tự động, đóng chai khép kín đạt chứng nhận HACCP. Việc kết hợp phương pháp muối ủ truyền thống (ủ chượp từ 3-5 năm) với kiểm soát lý hoá hiện đại đã giúp nước mắm Hà Tĩnh đủ tiêu chuẩn tham gia thị trường xuất khẩu.

- Các doanh nghiệp như Công ty CP Nông nghiệp Hương Sơn, Nhung hươu Việt, SXTM và DV An Phong... đã ứng dụng máy sấy thăng hoa (freeze-drying) và máy nghiền siêu mịn để sản xuất bột nhung hươu, cao xương hươu và rượu nhung hươu. Công nghệ này giúp bảo toàn 100% các axit amin và khoáng chất quý trong nhung hươu tươi.

Giai đoạn 2020 - 2025 cũng ghi nhận sự đột phá với các dự án nhà máy chế biến gỗ quy mô hàng nghìn tỷ đồng. Dự án Nhà máy sản xuất gỗ MDF, HDF Thanh Thành Đạt tại Vũ Quang với mức đầu tư 1.500 tỷ đồng là minh chứng cho việc đưa công nghệ Châu Âu về Hà Tĩnh. Ngành sản xuất viên nén gỗ từ mùn cưa và phế phẩm lâm nghiệp cũng phát triển mạnh mẽ để cung ứng cho thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, EU. Các doanh nghiệp đã đầu tư các dây chuyền TCZL560, TCZL700 với công suất từ 1,5 - 3 tấn/giờ, viên nén đạt chuẩn xuất khẩu, yêu cầu độ ẩm thấp (dưới 10%) và nhiệt trị cao (4.000 - 4.800 kcal/kg).

Sự đầu tư này không chỉ giúp nâng cao năng suất mà còn thay đổi hoàn toàn nhận thức của chủ doanh nghiệp về quản lý chất lượng. Việc áp dụng các tiêu chuẩn như ISO, HACCP, GMP... trong chế biến nông sản đã bắt đầu phổ biến hơn, giúp sản phẩm của Hà Tĩnh không chỉ đứng vững ở thị trường trong nước mà còn hướng tới mục tiêu xuất khẩu.

1.4. Cơ chế chính sách và đòn bẩy tài chính hỗ trợ chế biến

1.4.1. Chính sách hỗ trợ lãi suất và tín dụng đầu tư

Hà Tĩnh đã xây dựng một hệ thống chính sách hỗ trợ tài chính đa tầng để thúc đẩy công nghiệp chế biến. Nghị quyết 51/2021/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ lãi suất vay vốn rất cụ thể: doanh nghiệp thực hiện các dự án thu mua, bảo quản, chế biến nông lâm thủy hải sản có hợp đồng liên kết với nông dân từ 3 - 5 năm sẽ được hỗ trợ lãi suất trong hạn.

- Tổng mức vay dưới 10 tỷ đồng được hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng tiền lãi.
- Tổng mức vay từ 10 - 20 tỷ đồng được hỗ trợ tối đa 700 triệu đồng.
- Các dự án lớn trên 20 tỷ đồng có thể nhận mức hỗ trợ lãi suất lên đến 01 tỷ đồng.

Những con số này cho thấy quyết tâm của tỉnh trong việc huy động vốn xã hội hoá vào nông nghiệp, giúp các doanh nghiệp giảm bớt rào cản về chi phí tài chính khi đầu tư vào công nghệ mới. Đặc biệt, các dự án liên kết chuỗi giá trị có tổng mức đầu tư từ 05 tỷ đồng trở lên sẽ được UBND tỉnh trực tiếp phê duyệt và theo dõi, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả của dòng vốn hỗ trợ.

1.4.2. Đào tạo nhân lực và nâng cao năng lực quản lý

Không chỉ hỗ trợ về "phần cứng" (máy móc), tỉnh còn chú trọng vào "phần mềm" là nguồn nhân lực. Chương trình khuyến công giai đoạn 2021 - 2025 đặt mục tiêu mỗi năm đào tạo khoảng 320 người về khởi sự doanh nghiệp, marketing và quản lý nhãn hiệu sản phẩm. Việc nâng cao tỷ lệ cán bộ HTX có trình độ cao đẳng, đại học là một minh chứng cho thấy sự dịch chuyển về chất trong quản trị sản xuất.

Sự kết hợp giữa hỗ trợ máy móc và đào tạo nhân lực giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn không chỉ biết vận hành thiết bị hiện đại mà còn biết cách đưa

sản phẩm ra thị trường, xây dựng câu chuyện sản phẩm để tăng sức hút đối với người tiêu dùng trong kỷ nguyên số.

1.5. Ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và phát triển bền vững

1.5.1. Chuyển đổi số trong doanh nghiệp chế biến

Trong lộ trình phát triển đến năm 2030, chuyển đổi số được xác định là một trong bốn nền tảng chính để tạo đột phá. Hà Tĩnh đặt mục tiêu đến năm 2026 có trên 80% doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số và đến năm 2030, con số này phải đạt 100% đối với các doanh nghiệp trong khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

Trong lĩnh vực chế biến, chuyển đổi số không chỉ là việc bán hàng trên sàn thương mại điện tử mà còn là việc số hoá quy trình sản xuất, truy xuất nguồn gốc điện tử thông qua mã QR và quản trị chuỗi cung ứng bằng dữ liệu lớn. Điều này giúp các doanh nghiệp kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm từ khâu nguyên liệu đầu vào đến bàn ăn của người tiêu dùng, đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu nông sản hiện nay.

1.5.2. Nông nghiệp tuần hoàn và bảo vệ môi trường

Ứng dụng khoa học, công nghệ không chỉ nhằm mục đích tăng năng suất mà còn phải giải quyết bài toán môi trường. Hà Tĩnh đã đi đầu trong việc thử nghiệm và nhân rộng các mô hình nông nghiệp tuần hoàn, nơi phế phẩm của quá trình chế biến này là nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất khác. Ví dụ, vỏ tôm, đầu cá từ các nhà máy chế biến thủy sản, phế phụ phẩm từ sản xuất trồng trọt được thu gom để sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc phân bón hữu cơ.

Tiêu chí về hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn tại các khu, cụm công nghiệp là yêu cầu bắt buộc. Đến năm 2030, 100% chất thải rắn phát sinh tại các làng nghề và cụm công nghiệp phải được thu gom, xử lý triệt để. Đây là yếu tố then chốt để đảm bảo sự phát triển hài hoà giữa kinh tế và môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu theo đúng quan điểm phát triển bền vững của tỉnh.

Thực trạng phát triển chế biến nông lâm thủy sản tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025 đã cho thấy một sự chuyển mình mạnh mẽ từ tư duy sản xuất truyền thống sang tư duy kinh tế hiện đại, dựa trên nền tảng khoa học công nghệ và sự hỗ trợ quyết liệt từ chính sách. Những thành tựu về tăng trưởng sản lượng, số lượng hợp tác xã, doanh nghiệp và tỷ lệ ứng dụng máy móc, thiết bị là minh chứng cho hướng đi đúng đắn của tỉnh trong việc cụ thể hoá các nghị quyết của Trung ương. Tuy nhiên, con đường phía trước vẫn còn nhiều thách thức.

2. Những tồn tại, hạn chế

Mặc dù có nhiều kết quả tích cực, thực trạng phát triển chế biến nông lâm thủy sản tại Hà Tĩnh vẫn bộc lộ những hạn chế cần nhìn nhận thẳng thắn, những "điểm nghẽn" mang tính hệ thống làm cản trở dòng vốn đầu tư và hiệu quả sản xuất:

2.1. Điểm nghẽn về bước đầu vận hành chính quyền địa phương 2 cấp

Việc chuyển đổi sang mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đã nảy sinh 266 nội dung kiến nghị từ cơ sở, tập trung vào sự lúng túng trong phân cấp quản lý dự án đầu tư công và thanh lý tài sản. Các quy định hướng dẫn từ Trung ương chưa kịp thời cụ thể hoá khiến địa phương bước đầu gặp áp lực lớn về khối lượng công việc, trong khi chế độ cho công chức cấp xã còn thấp, chưa tạo động lực cống hiến.

2.2. Rào cản trong tiếp cận đất đai và quy hoạch

Nhiều doanh nghiệp muốn đầu tư nhà xưởng chế biến nông sản nhưng "bất lực" vì không thể tiếp cận được thông tin quy hoạch về đất đai tại các địa phương. Tỷ lệ lấp đầy tại các cụm công nghiệp nhìn chung còn chậm do vướng mắc trong giải phóng mặt bằng.

2.3. "Nút thắt" tài chính và cơ chế hỗ trợ

Mặc dù có chính sách hỗ trợ lãi suất tại Nghị quyết 51, doanh nghiệp vẫn khó tiếp cận nguồn vốn ưu đãi. Điều kiện thụ hưởng chính sách bị đánh giá là khắt khe, rườm rà và khó giải ngân. Hệ thống ngân hàng đôi khi từ chối cho vay do tài sản thế chấp nằm ở địa bàn khác, gây khó khăn cho việc huy động vốn dài hạn đầu tư máy móc hiện đại.

2.4. Hạ tầng logistics chưa đồng bộ và chi phí cao

Hà Tĩnh có cảng nước sâu Vũng Áng, tuy nhiên hệ thống giao thông kết nối (đường bộ, đường sắt) vẫn chưa hoàn thiện, làm hạn chế khả năng vận chuyển và tăng chi phí logistics. Các dịch vụ logistics chưa phong phú, thiếu giải pháp trọn gói khiến sản phẩm nông sản chế biến khó cạnh tranh về giá.

2.5. Đất đai manh mún ngăn trở cơ giới hoá

Địa hình Hà Tĩnh có độ dốc lớn, nghiêng từ Tây sang Đông, bị chia cắt mạnh bởi hệ thống sông suối và tâm lý "giữ đất" của người dân khiến công tác dồn điền đổi thửa gặp khó. Quy mô sản xuất mỗi hộ vẫn nhỏ lẻ (2 - 3 thửa/hộ), sản lượng thấp khiến việc đầu tư các nhà máy chế biến quy mô lớn không đảm bảo được nguồn cung nguyên liệu ổn định.

2.6. Chuỗi liên kết lỏng lẻo và rủi ro thiên tai

Mức độ liên kết giữa người dân và doanh nghiệp còn rời rạc, tình trạng "phá vỡ hợp đồng" diễn ra thường xuyên khi giá thị trường biến động mà thiếu chế tài

xử lý đủ mạnh. Bên cạnh đó, các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, lũ lụt, gió Lào gây rủi ro lớn cho nông nghiệp, khiến các doanh nghiệp bảo hiểm và nhà đầu tư e dè.

Để đạt được mục tiêu trở thành cực tăng trưởng vào năm 2030, Hà Tĩnh cần phải quyết liệt hơn nữa trong việc giải quyết các nút thắt về quy mô sản xuất, hàm lượng công nghệ và tính bền vững của chuỗi liên kết.

3. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

3.1. Nguyên nhân khách quan

Địa chính trị và đặc điểm tự nhiên của Hà Tĩnh là những yếu tố không thể thay đổi nhưng lại có tác động tiêu cực đáng kể. Khí hậu khắc nghiệt với nắng nóng gay gắt và mùa mưa bão kéo dài làm tăng chi phí đầu tư hạ tầng bảo quản và chi phí bảo hiểm nông nghiệp.

Thị trường quốc tế ngày càng đặt ra những tiêu chuẩn khắt khe về an toàn thực phẩm (SPS) và các rào cản kỹ thuật (TBT). Việc các doanh nghiệp Hà Tĩnh, phần lớn có quy mô nhỏ, phải tự bơi để tìm hiểu và đáp ứng các tiêu chuẩn như GlobalGAP hay các quy định về truy xuất nguồn gốc của EU, Mỹ là một thách thức quá lớn trong bối cảnh thiếu hụt thông tin và hỗ trợ chuyên sâu.

Sự biến động khó lường của giá cả vật tư nông nghiệp đầu vào (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi) trên quy mô toàn cầu cũng trực tiếp bào mòn lợi nhuận của nông dân và doanh nghiệp chế biến, làm suy giảm động lực đầu tư dài hạn vào công nghệ cao.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Tư duy quản lý của một bộ phận cán bộ chính quyền địa phương vẫn còn mang nặng tính hành chính, chưa thực sự đồng hành và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp từ gốc rễ. Việc ban hành chính sách đôi khi còn cảm tính, chưa dựa trên các báo cáo đánh giá tác động thực tế và nhu cầu thực sự của thị trường, dẫn đến tình trạng "thừa chính sách nhưng thiếu hiệu quả".

Về phía các thực thể kinh tế, tư duy sản xuất nhỏ lẻ, tự phát của người nông dân vẫn còn bám rễ sâu. Sự thiếu hụt kiến thức về quản trị kinh doanh nông nghiệp, kỹ năng vận hành máy móc hiện đại và ý thức tuân thủ kỷ luật sản xuất theo chuẩn quốc tế của các doanh nghiệp, HTX là những yếu tố ngăn cản việc hình thành các vùng nguyên liệu chuyên canh bền vững.

Năng lực tài chính và trình độ công nghệ của các doanh nghiệp, cơ sở chế biến tại địa phương còn yếu. Phần lớn doanh nghiệp vẫn hài lòng với việc sơ chế thô để bán nhanh, ngại đầu tư vào các khâu chế biến tinh, đóng gói, mẫu mã và xây dựng thương hiệu vì lo ngại rủi ro và thời gian thu hồi vốn lâu. Sự thiếu chủ động

trong việc tìm kiếm đối tác và mở rộng thị trường cũng khiến nông sản Hà Tĩnh vẫn quần quanh ở phân khúc thị trường bình dân, dễ bị thay thế.

3.3. Bài học kinh nghiệm

Mọi chính sách hỗ trợ, như Nghị quyết 51, cần được định kỳ rà soát, đánh giá để kịp thời điều chỉnh các điều kiện, định mức hỗ trợ cho phù hợp với sự thay đổi của giá cả thị trường và trình độ quản lý của người dân. Bài học từ tỷ lệ hấp thụ chính sách thấp cho thấy, nếu quy trình thủ tục quá cứng nhắc, chính sách sẽ trở thành "bánh vẽ" và làm mất niềm tin của những nhà đầu tư tiềm năng. Việc chuyển đổi từ hỗ trợ trực tiếp sang hỗ trợ gián tiếp qua lãi suất tín dụng, hạ tầng dùng chung và xúc tiến thương mại có thể mang lại hiệu quả bền vững hơn.

4. Đánh giá tiềm năng, lợi thế và khả năng phát triển

4.1. Chế biến nông sản: Tiềm năng từ nông nghiệp đa giá trị và hữu cơ

Hà Tĩnh sở hữu lợi thế hội tụ từ ba vùng sinh thái đặc trưng: đồng bằng ven biển, trung du và miền núi, tạo điều kiện cho các loại nông sản đa dạng và khác biệt.

- Vùng nguyên liệu chủ lực: Tỉnh có hơn 31.000 ha cây lâu năm, trong đó cây ăn quả chiếm gần 63% (19.504 ha), tập trung các sản phẩm thương hiệu như cam bù, bưởi Phúc Trạch.

- Đột phá nông nghiệp hữu cơ: Quy hoạch đến năm 2030 hình thành 2.500 ha canh tác hữu cơ tập trung (1.350 ha lúa, 800 ha cây ăn quả, 250 ha chè). Đây là nền tảng để thu hút các nhà đầu tư chế biến sâu thực phẩm sạch xuất khẩu sang EU, Nhật Bản...

- Mô hình kinh tế tuần hoàn: Tiềm năng phát triển chuỗi liên kết 4F (Nông trại - Thực phẩm - Thức ăn - Phân bón) đã được thử nghiệm tại 62 xã thông qua hợp tác với Tập đoàn Quế Lâm.

4.2. Chế biến thủy sản: Lợi thế kinh tế biển và hạ tầng hậu cần

Hà Tĩnh có đường bờ biển dài 137 km với trữ lượng hải sản lớn (cá, tôm, mực, nhuyễn thể).

- Diện tích nuôi trồng: Có 6.000 ha đất đầm bãi ven bờ và 12.000 ha ao hồ, mặt nước phù hợp nuôi tôm thâm canh công nghệ cao.

- Hạ tầng cụm công nghiệp ven biển: Đã hình thành 3 cụm công nghiệp (Lộc Hà, Thiên Cầm, Hải Ninh) với tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đồng, chuyên sâu về chế biến thủy hải sản và hậu cần nghề cá.

- Lợi thế xuất khẩu: Sự hiện diện của các nhà máy lớn như Shatico tại Vũng Áng với dây chuyền IQF hiện đại tạo khả năng cung ứng cho chuỗi giá trị toàn cầu.

4.3. Chế biến lâm sản: Kinh tế rừng bền vững và lâm sản ngoài gỗ

Với diện tích đất lâm nghiệp chiếm 41% diện tích tự nhiên, Hà Tĩnh có tiềm năng lớn về trữ lượng gỗ (trên 2 triệu m³) và đa dạng sinh học.

- Quản trị rừng bền vững: Việc đẩy mạnh cấp chứng chỉ FSC giúp sản phẩm gỗ Hà Tĩnh đủ tiêu chuẩn thâm nhập thị trường EU.

- Lâm sản ngoài gỗ: Khả năng phát triển các loại dược liệu quý như nấm linh chi đồ dưới tán rừng đang mở ra hướng đi mới có giá trị gia tăng cực cao cho kinh tế miền núi.

- CCN chuyên biệt: CCN Lâm Hợp (30 ha) được quy hoạch trở thành hạt nhân chế biến nông, lâm sản cho vùng phía Nam tỉnh.

5. Mục tiêu, định hướng phát triển chế biến nông lâm thủy sản giai đoạn 2026 - 2030

5.1. Mục tiêu chiến lược và các trụ cột tăng trưởng

Giai đoạn 2026 - 2030 sẽ là thời kỳ Hà Tĩnh bứt phá để trở thành một trong những cực tăng trưởng của vùng Bắc Trung Bộ. Ngành nông nghiệp và môi trường cả nước đặt mục tiêu kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt 100 tỷ USD vào năm 2030 và Hà Tĩnh đóng góp vào mục tiêu đó thông qua việc chuyển đổi mạnh mẽ sang kinh tế nông nghiệp đa giá trị.

Trọng tâm phát triển sẽ dựa trên ba hành lang kinh tế: hành lang ven biển, hành lang Quốc lộ 8 và hành lang trung du và miền núi phía Tây gắn với đường Hồ Chí Minh. Các hành lang này sẽ là nơi hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến, tận dụng hạ tầng cảng biển Vũng Áng - Sơn Dương để đưa hàng hoá ra thế giới.

5.2. Phát triển nông nghiệp hữu cơ và đa giá trị

Hà Tĩnh sẽ đẩy mạnh chiến lược nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn với các mục tiêu rất cụ thể cho năm 2030:

- Hình thành 5.000 ha lúa hữu cơ, 400 ha cây ăn quả và các tổ hợp chăn nuôi 4F (Farm – Food – Feed - Fertilizer) quy mô lớn.

- Xây dựng mạng lưới phân phối chuyên nghiệp với 52 cửa hàng hữu cơ và 69 cửa hàng giới thiệu sản phẩm OCOP.

- Sự kết hợp giữa sản xuất hữu cơ, tuần hoàn và công nghệ chế biến hiện đại sẽ giúp tạo ra các dòng sản phẩm sạch, an toàn, có thương hiệu mạnh, đủ sức cạnh tranh tại các thị trường cao cấp như Nhật Bản, EU và Mỹ.

5.3. Hiện đại hoá công nghệ và cơ giới hoá đồng bộ

Trong giai đoạn tới, tỉnh sẽ tiếp tục đẩy mạnh cơ giới hoá đồng bộ từ khâu sản xuất đến chế biến và tiêu thụ. Việc ứng dụng công nghệ cao, công nghệ hiện đại trong sản xuất cây lương thực, cây ăn quả sẽ giúp giảm 20 - 30% lượng phân

bón và thuốc bảo vệ thực vật hoá học, nâng cao hiệu quả kinh tế thêm ít nhất 15% so với sản xuất đại trà.

Công nghiệp hỗ trợ sẽ được chú trọng phát triển để cung cấp máy móc, thiết bị và bao bì cho ngành chế biến tại chỗ. Phân đầu đến năm 2030, giá trị sản xuất của công nghiệp hỗ trợ chiếm 50% giá trị sản xuất ngành chế biến, chế tạo của tỉnh. Đây là nền tảng để Hà Tĩnh tự chủ hơn về công nghệ và giảm giá thành sản xuất cho các doanh nghiệp chế biến nông lâm thủy sản.

Mục tiêu chiến lược giai đoạn 2026 - 2030	Chỉ tiêu
Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	29%
Diện tích đất trồng trọt đạt tiêu chuẩn hữu cơ	2% tổng diện tích
Tỷ lệ lấp đầy các khu/cụm công nghiệp	Trên 70%
Đào tạo nhân lực nòng cốt cho nông nghiệp hữu cơ	1.200 - 1.800 người

6. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

6.1. Cải cách thể chế và môi trường đầu tư

Tiếp tục điều chỉnh và hoàn thiện các chính sách hỗ trợ nông nghiệp theo hướng tập trung vào các dự án có quy mô lớn, công nghệ cao, có khả năng dẫn dắt chuỗi liên kết. Cần có những chính sách ưu tiên đặc biệt cho các doanh nghiệp đầu tư vào hạ tầng logistics, kho lạnh và trung tâm kiểm định chất lượng tại các vùng nguyên liệu tập trung.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước để hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết nhanh các thủ tục về đất đai, môi trường và tiếp cận nguồn vốn ưu đãi.

6.2. Thu hút đầu tư và liên kết vùng

Tập trung thu hút các tập đoàn lớn, các doanh nghiệp đầu tàu có kinh nghiệm và tiềm lực tài chính để đầu tư vào các khu nông nghiệp công nghệ cao và nhà máy chế biến sâu. Tăng cường liên kết với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ, các trung tâm kinh tế lớn để mở rộng thị trường và chia sẻ nguồn nguyên liệu.

Phát triển Khu kinh tế Vũng Áng không chỉ là trung tâm công nghiệp thép, xe điện và nhiệt điện mà còn là đầu mối logistics quan trọng cho xuất khẩu nông lâm thủy sản của toàn vùng.

6.3. Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng KHCN

Tăng cường ngân sách cho hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ, đặc biệt là việc lai tạo các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt và khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu. Khuyến khích các doanh nghiệp thành

lập các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) ngay tại nhà máy để cải tiến quy trình công nghệ, đa dạng hoá sản phẩm.

Hỗ trợ các mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm và nông nghiệp thông minh.

6.4. Xây dựng và quảng bá thương hiệu

Thực hiện chiến lược xây dựng thương hiệu quốc gia và quốc tế cho các sản phẩm chủ lực của Hà Tĩnh. Gắn tem truy xuất nguồn gốc, mã vùng trồng, vùng nuôi và các chứng chỉ chất lượng (GlobalGAP, Organic, FSC) lên từng sản phẩm để tạo niềm tin cho người tiêu dùng.

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm và sử dụng các kênh truyền thông hiện đại để quảng bá hình ảnh nông sản Hà Tĩnh đến với bạn bè quốc tế.

Việc tập trung vào xây dựng và quảng bá thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi số toàn diện trong giai đoạn 2026 - 2030 không chỉ là yêu cầu cấp bách, mà còn là chìa khoá để nông lâm thủy sản Hà Tĩnh thực sự "vươn mình" trong kỷ nguyên mới, đóng góp xứng đáng vào sự phát triển chung của đất nước.

7. Khái toán nguồn kinh phí đầu tư giai đoạn 2026 - 2030

Giai đoạn 2026 - 2030 là thời kỳ then chốt để Hà Tĩnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế với mục tiêu đưa tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt 29% và giá trị xuất khẩu toàn tỉnh đạt 4 tỷ USD. Tổng lượng vốn đầu tư dự kiến cần khoảng 553,488 nghìn tỷ đồng cho cả thời kỳ 2021 - 2030, trong đó giai đoạn 2026 - 2030 chiếm tỷ trọng lớn hơn (320 nghìn tỷ đồng) do tập trung vào các dự án hạ tầng trọng điểm và nhà máy chế biến sâu.

7.1. Hạ tầng cụm công nghiệp (CCN) và logistics

Để đạt mục tiêu có 45 CCN với tổng diện tích 1.981,84 ha vào năm 2030, kinh phí đầu tư hạ tầng là rất lớn và chủ yếu huy động từ vốn doanh nghiệp.

- Suất đầu tư hạ tầng CCN: Trung bình mỗi CCN quy mô 30 - 40 ha cần mức đầu tư từ 250 - 300 tỷ đồng (ví dụ: CCN Công Khánh 1 là 254,7 tỷ đồng, CCN Lâm Hợp là 284 tỷ đồng).

- Tổng vốn đầu tư hạ tầng CCN giai đoạn 2026 - 2030: Dự kiến cần từ 5.000 - 6.000 tỷ đồng để hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hệ thống xử lý nước thải tập trung cho các CCN mới thành lập.

7.2. Phát triển nông nghiệp hữu cơ và chế biến sâu

- Tổng kinh phí Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ (2024 - 2030): Dự kiến hơn 966 tỷ đồng. Trong đó, giai đoạn 2026 - 2030 tập trung vào:

- + Mở rộng diện tích canh tác hữu cơ lên 2.500 ha.
- + Xây dựng chuỗi liên kết giá trị và hệ thống cửa hàng OCOP, cửa hàng hữu cơ (mục tiêu 52 cửa hàng hữu cơ và 69 cửa hàng OCOP).
- + Kêu gọi đầu tư các nhà máy chế biến sản phẩm hữu cơ đạt chuẩn xuất khẩu.

7.3. Chương trình Khuyến nông và Đào tạo nguồn nhân lực

UBND tỉnh đã phê duyệt Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2026 - 2030 để tạo đột phá về năng suất và chất lượng.

- Tổng kinh phí Chương trình Khuyến nông: Dự kiến hơn 42,7 tỷ đồng.
- Nội dung chi chủ yếu: Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật công nghệ cao; đào tạo chuyên sâu cho 1.200 - 1.800 cán bộ và nông dân nông cốt; thông tin tuyên truyền và chuyển đổi số trong nông nghiệp.

7.4. Chính sách hỗ trợ trực tiếp (kế thừa và phát triển Nghị quyết 51)

Dự kiến xây dựng nghị quyết mới cho giai đoạn 2026 - 2030 với các mức hỗ trợ điều chỉnh sát thực tế hơn:

- Hỗ trợ máy móc, thiết bị chế biến: Dự kiến duy trì mức hỗ trợ 30 - 50% giá trị máy móc, tối đa 500 triệu đồng/cơ sở.
- Hỗ trợ kho lạnh bảo quản: 50% chi phí xây dựng, tối đa 200 - 300 triệu đồng/kho.
- Tích tụ ruộng đất: Hỗ trợ cải tạo đất (phá bờ thửa, san phẳng) mức 20 - 30 triệu đồng/ha.

8. Danh mục các dự án trọng điểm ưu tiên đầu tư

STT	Tên dự án/Vùng dự án	Quy mô/Vốn đầu tư dự kiến	Mục tiêu và định hướng công nghệ
1	Dự án Eco Green Farm Đức Thọ	82 ha / 56 tỷ đồng	Nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, trồng được liệu tiêu chuẩn GACP-WHO
2	Nhà máy chế biến thủy hải sản Shatico (Vũng Áng)	3,7 ha / 200 tỷ đồng	Chuyển đổi công nghệ cấp đông nhanh IQF, đạt chuẩn ISO 22000

3	Nhà máy chế biến gỗ và lâm sản (Hương Khê)	~58,66 tỷ đồng	Sản xuất viên nén, đồ gỗ tinh chế xuất khẩu sang EU, Nhật Bản
4	Đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Lâm Hợp (Kỳ Lạc)	30 ha / 284 tỷ đồng	CCN đa ngành, trọng tâm chế biến nông lâm sản phục vụ xuất khẩu
5	Các vùng sản xuất hữu cơ tập trung	2.500 ha (tổng diện tích)	Lúa (1.350 ha), cây ăn quả (800 ha), chè (250 ha), rau quả (100 ha)
6	Tổ hợp chăn nuôi 4F (Quế Lâm liên kết)	Xã Cẩm Xuyên	Mô hình Nông trại - Thực phẩm - Thức ăn - Phân bón hữu cơ
7	Nhà máy sản xuất bao bì và thùng carton xuất khẩu	Công suất 10.000 tấn/năm	Phục vụ đóng gói cho ngành chế biến nông sản và logistics
8	Hệ thống mạng lưới phân phối nông sản	52 cửa hàng hữu cơ, 69 cửa hàng OCOP	Xây dựng chuỗi cung ứng nông sản sạch toàn tỉnh

9. Tổ chức thực hiện

9.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì xây dựng và quy hoạch các vùng sản xuất tập trung, vùng nông nghiệp hữu cơ, sinh thái, tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, công nghệ cao.
- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi năng suất, chất lượng cao, thích ứng biến đổi khí hậu.
- Xây dựng các mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, quản lý tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.
- Tham mưu công tác quản lý quỹ đất, tháo gỡ khó khăn trong tích tụ ruộng đất và đẩy nhanh quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các vùng thâm canh.

9.2. Sở Công Thương

- Đẩy nhanh tiến độ lắp đầy các cụm công nghiệp (mục tiêu trên 70%) và hỗ trợ đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Chủ trì các hoạt động quảng bá, kết nối đưa nông sản vào các hệ thống siêu thị, kênh phân phối lớn trong và ngoài nước.

- Thúc đẩy thương mại điện tử, hỗ trợ 100% doanh nghiệp trong khu/cụm công nghiệp ứng dụng công nghệ số vào quản lý và kinh doanh.

9.3. Sở Tài chính

- Xây dựng chiến lược, cơ chế thu hút các dự án chế biến nông sản quy mô lớn, công nghệ hiện đại.

- Chủ trì phối hợp lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn vốn đầu tư công để hoàn thiện hạ tầng hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.

- Đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ; tham mưu cấp kinh phí kịp thời cho các địa phương.

9.4. UBND các xã, phường

- Chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch cho doanh nghiệp đầu tư nhà máy. Thực hiện dồn điền đổi thửa và xây dựng các mô hình điểm tại địa phương.

- Tiếp nhận, rà soát và thẩm định hồ sơ hỗ trợ của người dân/HTX đảm bảo tính công khai, minh bạch; kịp thời phản ánh các vướng mắc từ thực tế lên cấp trên./.

**CHI CỤC TRƯỞNG
CHI CỤC PTNT VÀ QLCL**

Trần Mạnh Cường